

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HS-ST
Ngày : 26-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.
Các hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Chinh và ông Phạm Đình Duy.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Nhữ Thập - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn.
- **Đại diện VKSND huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-HS ngày 02/10/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Bích T**, sinh ngày 03 tháng 02 năm 1994 tại thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 2xx/yy Nguyễn T, phường Nguyễn CT, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: 1xx8 Lê Văn L, xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; cha: không có; mẹ: Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1973; chồng, con: Chưa; tiền án: Ngày 22/9/2015, bị Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 08 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số: 363/2015/HSST, chấp hành xong hình phạt vào ngày 17/01/2017; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/6/2018 đến ngày 22/06/2018 khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

- ***Bị hại:*** Vợ chồng anh Nguyễn T1, sinh năm 1980 và chị Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1985 (vắng mặt, có đơn yêu cầu);
Đồng trú: Thôn H, xã B, huyện T, Bình Định.
- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***
 - + NLQ1, sinh năm 1991 (vắng mặt lần 02);
Địa chỉ: 1zz/v Âu DL, Phường M, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh.
 - + NLQ2, sinh năm 1997 (vắng mặt lần 02);
Địa chỉ: xx/y đường H, Phường N, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh.
- ***Người tham gia tố tụng khác:*** Người làm chứng:
 - + NLC1, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khối H, thị trấn P, huyện T, Bình Định.
+ NLC2, sinh năm 1971 (vắng mặt, có đơn yêu cầu);
Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 13/6/2018, Nguyễn Ngọc Bích T cùng người yêu là NLQ1 đến nhà anh NLC2 (người quen của NLQ1) ở thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định để mua gỗ. Đến khoảng 11 giờ ngày 16/6/2018, tại nhà anh NLC2, NLQ1 gặp anh Đoàn Văn Q nên NLQ1 rủ Q đến quán café của chị Huỳnh Thị Mỹ H ở thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định uống nước. Cả ba cùng đi đến quán chị H, khi đến nơi Q nằm võng còn T và NLQ1 ngồi ở bàn riêng ăn bánh mì. Ăn xong, T đi vào trong nhà chị H xin đi vệ sinh. Đi vệ sinh xong, T phát hiện trên vách tường phía tây nhà vệ sinh có treo một chiếc quần lửng của anh Nguyễn T1 (là chồng của chị H), bên trong túi quần có một ví da. T thò tay vào túi quần lấy ví mở ra xem thấy có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, T lấy 08 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng tổng cộng là 4.000.000 đồng bỏ vào túi áo khoác bên phải của mình và bỏ ví lại vị trí cũ. Sau đó, T quay lại chỗ NLQ1 đang ngồi uống nước, nói: “Mới lượm được tiền trong toilet” và nói NLQ1 đưa ví của NLQ1 cho T bỏ số tiền vừa chiếm đoạt cùng số tiền khoảng 440.000 đồng của T vào ví. T đưa ví cùng điện thoại di động của T cho NLQ1 và bảo NLQ1 đi gửi số tiền 4.000.000 đồng vào số tài khoản 0171003472051 - Ngân hàng Vietcombank của chị NLQ2 ở thành phố Hồ Chí Minh để trả số tiền T đã nợ chị NLQ2 trước đó. NLQ1 đã thuê xe ôm đến cửa hàng Viettel ở thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định nộp 4.000.000 đồng vào tài khoản trên rồi quay lại chỗ T, cùng với T đi về nhà anh NLC2. Sau khi T và NLQ2 đi, chị H vào nhà vệ sinh, thấy chiếc ví trong túi quần anh T1, chị H mở ví ra kiểm tra thấy trong ví còn số tiền 400.000 đồng nên hỏi anh T1 thì phát hiện đã bị mất tiền, chị H nghi T là người đã lấy tiền nên đến nhà anh NLC2 tìm gặp đòi lại tiền, nhưng T không thừa nhận nên vợ chồng chị H, anh T1 đã báo cáo sự việc trên với cơ quan Công an. Tại Cơ quan Công an, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tây Sơn đã thu giữ là 01 điện thoại di động hiệu Sony, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng, có 2 số Imei là 356872065335848 và 356872065335855, lắp 01 sim Mobifone của bị cáo Nguyễn Ngọc Bích T.

Quá trình điều tra, bị cáo T đã bồi thường cho vợ chồng anh Nguyễn T1, chị Huỳnh Thị Mỹ H số tiền 2.000.000 đồng. Anh T1 và chị H không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận có hành vi phạm tội nêu trên và xin nhận lại điện thoại di động để sở hữu, sử dụng.

Bản cáo trạng số 32/QĐ-KSĐT ngày 14/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Bích T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Ngọc Bích T đã khai nhận diễn biến và thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố; Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Bích T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

*** Về hình phạt:** Đề nghị áp dụng: **khoản 1 Điều 173**; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Bích T mức án từ 03 - 06 tháng tù

*** Về bồi thường thiệt hại:** Bị cáo đã bồi thường xong cho gia đình bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng **Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015**, đề nghị: giao trả cho bị cáo T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sony, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng, có số Imei là 356872065335848 và 356872065335855, lắp một sim Mobifone (không kiểm tra chất lượng bên trong, thực tế vỏ bị nứt).

Lời nói sau cùng của bị cáo: đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tây Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở lời khai nhận của các bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Khoảng 11 giờ ngày 16/6/2018, tại nhà ở của chị Huỳnh Thị Mỹ H ở thôn H - xã B - huyện T - Bình Định, phát hiện tài sản của anh Nguyễn T1 để trong túi quần ở nhà vệ sinh, bị cáo Nguyễn Ngọc Bích T1 đã nảy lòng tham và đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng của anh Nguyễn T1. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý; Do đó, bị cáo Nguyễn Ngọc Bích T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như sau: “*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm: ...*”

[3] Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tang vật chứng vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ mà Cơ quan điều tra đã thu thập nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc Bích T đã phạm tội trộm cắp tài sản như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn truy tố là có căn cứ. Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, do vậy cần phải xử lý nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự.

[4] **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Bị cáo Trâm đã có 01 tiền án về tội “cướp giật tài sản” chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc Bích T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo hiện đang mang thai (tháng thứ 8) - nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nghị nên áp dụng Điều 54 Bộ luật năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Nhưng xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thì phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian như mức đề nghị của vi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn thì mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] **Về bồi thường thiệt hại:** Bị cáo đã bồi thường xong cho gia đình bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

[7] Đối với hành vi của NLQ1 đã nhận số tiền 4.000.000đ mà bị cáo T lén lút chiếm đoạt rồi theo lời bị cáo đem chuyển khoản cho NLQ2 và NLQ2 đã nhận số tiền này nhưng cả hai không biết đây là số tiền do bị cáo T phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý hình sự.

[8] **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng [Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015](#): cần giao trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc Bích T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sony, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng, có số Imei là 356872065335848 và 356872065335855, lắp một sim Mobifone (không kiểm tra chất lượng bên trong, thực tế vỏ bị nứt) - *(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn)*.

[9] **Về án phí hình sự:** Bị cáo Nguyễn Ngọc Bích T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc Bích T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; các điểm b, n, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Bích T 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 16/6/2018 đến ngày 22/6/2018).

* **Về bồi thường thiệt hại:** Bị cáo đã bồi thường xong cho gia đình bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

* **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, tuyên trả bị cáo Nguyễn Ngọc Bích T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sony, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng, có số Imei là 356872065335848 và 356872065335855, lắp một sim Mobifone (không kiểm tra chất lượng bên trong, thực tế vỏ bị nứt) - *(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn)*.

* **Về án phí sơ thẩm hình sự:** Bị cáo Nguyễn Ngọc Bích T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Các bên tham gia tố tụng có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Cơ quan Điều tra.CA huyện;
- Cơ quan THAHS.CA huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Giang Nam

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa